

Số: 13 /2011/NQ-HĐND

Ba Chẽ, ngày 22 tháng 6 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

**Về xây dựng nông thôn mới huyện Ba Chẽ
giai đoạn 2010 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BA CHÈ
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện tại Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 20/6/2011 “V/v thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới huyện Ba Chẽ giai đoạn 2010-2020”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí một số nội dung cơ bản của Đề án xây dựng nông thôn mới huyện Ba Chẽ giai đoạn 2010 - 2020 như sau:

1. Mục tiêu tổng quát:

- Xây dựng nông thôn mới Ba Chẽ có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại, phù hợp với điều kiện, tập quán sinh hoạt của đồng bào các dân tộc vùng cao.

- Cơ cấu kinh tế và các hình tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông lâm nghiệp với phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ tiêu thụ sản phẩm, gắn phát triển nông thôn với phát triển đô thị theo quy hoạch; Xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; Môi trường sinh thái được bảo vệ, an ninh trật tự, an

toàn xã hội được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của nông dân ngày càng được nâng cao. Xây dựng nông thôn mới Ba Chẽ nhằm thúc đẩy phát triển đồng bộ giữa kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần vào xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2015, huyện Ba Chẽ trở thành huyện nông thôn mới vào năm 2020.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2011 - 2015:

Phấn đấu đến năm 2015 có 4 xã cơ bản đạt các tiêu chí nông thôn mới, bộ mặt nông thôn có sự thay đổi căn bản.

- Tiêu chí 1: Quy hoạch và thực hiện quy hoạch:

100% số xã đạt chuẩn về quy hoạch và thực hiện quy hoạch vào năm 2011.

- Nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội:

+ Năm 2011, 100% số thôn có nhà văn hoá đạt chuẩn, có điểm đủ điều kiện truy cập Internet và thư viện dùng chung.

+ Đến năm 2012: 100% số thôn, bản trên địa bàn được dùng điện lưới quốc gia, trên 95% số hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn, 100% số xã có hệ thống điện cơ bản đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện; 100% trường học mầm non, mẫu giáo đạt chuẩn về cơ sở vật chất; 100% số xã có nhà văn hoá xã đạt chuẩn.

+ Đến năm 2015, có 100% số xã có đường trục xã, liên xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, có đường trục thôn được cứng hoá 50%; tỷ lệ kênh mương thủy lợi được kiên cố hoá trên 50%, hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh; trên 70% trường học các cấp Tiểu học, Trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia; 100% số xã có khu thể thao xã đạt chuẩn; Có 6/7 xã có chợ nông thôn đạt chuẩn.

- Nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất:

Giữ vững tăng trưởng về giá trị kinh tế tăng bình quân hàng năm từ: 10 - 13%. Phấn đấu đến năm 2015 mức thu nhập bình quân đầu người/năm gấp 1,5 - 1,7 lần so với năm 2010.

+ Có 7/7 xã được công nhận thoát khỏi xã đặc biệt khó khăn, giảm tỷ lệ hộ nghèo chung xuống dưới 20% theo tiêu chí mới, có 4 xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%.

+ Lao động trong độ tuổi (khu vực nông thôn), làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp dưới 70%.

+ Đối với những xã có điều kiện, thành lập ít nhất 1 HTX hoặc Tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả.

- Các chỉ tiêu về văn hoá - xã hội - môi trường:

+ Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đạt chuẩn và duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phần đầu đến năm 2015 có 70% trường đạt tiêu chí trường chuẩn quốc gia, trên 70% tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề);

+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn 4.405 lượt người, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm trên 20% tổng số lao động trong độ tuổi.

+ Duy trì 100% số xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế.

+ Có 4 xã (57,14%) có từ 70% số thôn bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hoá theo quy định của Bộ VH-TT-DL.

+ 95% số hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; 100% số xã không có hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp; 100% số thôn, bản có nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch; 100% trung tâm xã và cụm xã có hệ thống thoát nước thải hoàn chỉnh; 50% số xã có bộ phận dịch vụ thu gom, xử lý rác thải.

- *Nhóm chỉ tiêu hệ thống chính trị:*

+ 100% số xã có cán bộ xã đạt chuẩn từ 90% trở lên.

+ Hàng năm có từ 5 Đảng bộ xã trở lên đạt trong sạch - vững mạnh, có 90 - 95% đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ, tỷ lệ kết nạp đảng viên đạt từ 7% trở lên. 100% chính quyền cấp xã đạt tiêu chuẩn tiên tiến trở lên không có đơn vị yếu kém.

+ 100% các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

+ 100% số xã giữ vững tình hình chính trị và trật tự an toàn xã hội, không có khiếu kiện đông người vượt cấp.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

Phần đầu đến năm 2020 có ít nhất 6 xã đạt các tiêu chí nông thôn mới, bộ mặt nông thôn có sự thay đổi căn bản, huyện Ba Chẽ được công nhận huyện nông thôn mới.

- *Nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội:*

+ 100% số xã có đường ngõ xóm sạch không lầy lội vào mùa mưa (50% cứng hoá), đường trục chính ra cánh đồng được cứng hoá 50% đạt chuẩn.

+ 100% trường học các cấp: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia.

+ 100% số thôn có khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL.

+ 6/7 xã không còn nhà tạm, dột nát, có 50% trở lên hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng.

- *Nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất:*

+ Thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2020 gấp 1,7- 2 lần so với so với năm 2015.

+ 6/7 xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%.

+ 6/7 xã có tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp dưới 45%.

+ 100% số xã có ít nhất 1 HTX hoặc Tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả.

- *Nhóm tiêu chí văn hoá - xã hội - môi trường.*

+ Có 90% số thôn, bản đạt tiêu chuẩn làng văn hoá.

+ 100% số xã duy trì đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở, có 100% trường đạt tiêu chí trường chuẩn quốc gia.

+ Đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn 7.340 lượt người.

+ 98% số hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 100% trung tâm xã, cụm xã và khu dân cư có hệ thống thoát nước thải hoàn chỉnh; 100% số xã có bộ phận dịch vụ thu gom, xử lý rác thải; hoạt động kiểm soát môi trường được tăng cường, môi trường khu vực nông thôn được đảm bảo.

- *Nhóm chỉ tiêu hệ thống chính trị:*

+ 100% số xã có cán bộ xã đạt chuẩn.

+ Hàng năm có 80% Đảng bộ, chính quyền xã đạt trong sạch - vững mạnh.

+ Duy trì 100% các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

+ Duy trì 100% số xã có hệ thống chính trị ổn định, an ninh trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, không có khiếu kiện đông người vượt cấp.

c) Định hướng đến năm 2030:

Các xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2020 thì tiếp tục nâng cao chất lượng, cải thiện điều kiện sống của dân cư trên địa bàn; các xã còn lại phấn đấu được công nhận xã nông thôn mới trước năm 2025.

3. Quan điểm thực hiện Đề án xây dựng nông thôn Ba Chẽ:

- Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hòa thuận, dân chủ, có đời sống văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân.

- Chủ thể xây dựng nông thôn mới là nông dân, xây dựng nông thôn mới được thực hiện theo phương châm dựa vào nội lực của cộng đồng dân cư, vì vậy mọi việc dân phải được biết, được bàn, dân làm và được hưởng thụ.

- Thực hiện chương trình nông thôn mới trên cơ sở kế thừa và lồng ghép các chương trình, mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai ở nông thôn, có bổ sung dự án hỗ trợ đối với các lĩnh vực cần thiết; có cơ chế, chính sách khuyến khích mạnh mẽ đầu tư của các thành phần kinh tế; huy động đóng góp của các tầng lớp dân cư.

- Xây dựng các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng yếu, triển khai có trọng tâm, trọng điểm, triển khai đến đâu phải hoàn thành dứt điểm đến đó nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân.

4. Giải pháp thực hiện Đề án:

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân với sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Nâng cao chất lượng qui hoạch và quản lý qui hoạch.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch như: Đường giao thông nông thôn, hệ thống thủy lợi, mạng lưới điện nông thôn, hệ thống trường học, cơ sở vật chất văn hóa, hệ thống chợ nông thôn... Xây dựng các khu sản xuất tập trung: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề nông thôn.

- Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công tác xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp.

- Phát triển kinh tế hộ, kinh tế tập thể ở vùng nông thôn.

- Cùng cố tổ chức, mạng lưới y tế cơ sở, hoàn thiện và nâng cao các dịch vụ y tế phục vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, an ninh, quốc phòng.

- Cùng cố, nâng cao chất lượng, vai trò của chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội ở cơ sở.

5. Các nội dung khác: Thống nhất theo nội dung Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ và đề án kèm theo.

Điều 2. Về cơ chế, chính sách xây dựng nông thôn mới:

1. Thực hiện chính sách về vốn

- Nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ thực hiện Đề án từ nguồn vốn đầu tư cho chương trình nông thôn mới (Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương) được phân bổ theo quy định hiện hành của Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và cơ chế của tỉnh tại Quyết định số 3972/QĐ-UBND ngày 07/12/2009 của UBND tỉnh "V/v phê duyệt Đề án xây dựng thí điểm kết cấu hạ tầng cấp xã theo mô hình nông thôn

mới giai đoạn 2010 - 2015 tại các huyện khó khăn: Ba Chẽ, Bình Liêu, Đầm Hà, Tiên Yên” và các nguồn vốn huy động từ doanh nghiệp, từ cộng đồng để thực hiện Đề án.

- Nguyên tắc sử dụng vốn: Thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước, Luật xây dựng, Luật đấu thầu và Luật đầu tư. Các tiêu chí và định mức được phân bổ của Đề án do ngân sách cấp, do huy động từ các nguồn khác. Đảm bảo công khai, minh bạch, tạo sự cân đối giữa các xã; đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Đề án.

- Cơ chế huy động vốn:

+ Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình Mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn.

+ Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới. Đề nghị HĐND Tỉnh quy định tăng tỷ lệ vốn thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã (sau khi đã trừ đi chi phí) để lại cho ngân sách xã, ít nhất 70% thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới.

+ Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước hoặc tỉnh được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

+ Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án cụ thể, do HĐND Xã thông qua.

+ Các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư.

2. Về chính sách đất đai: Tiếp tục thực hiện việc giao đất ổn định lâu dài cho hộ nông dân, tăng cường quản lý nhà nước đất đai, đảm bảo sử dụng đất sản xuất nông, lâm nghiệp hợp lý, đạt hiệu quả. Có chính sách đền bù, hỗ trợ thoả đáng cho các hộ dân bị mất đất ở, đất sản xuất cho xây dựng khu công nghiệp, đô thị, đồng thời thực hiện đào tạo ngành nghề cho lao động nông nghiệp, chuyển đổi sang lĩnh vực phi nông nghiệp.

Điều 3. Vốn và nguồn vốn thực hiện đề án:

1. Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 1.373.334,60 triệu đồng; trong đó:

- Công tác quy hoạch: 4.283,0 triệu đồng, chiếm 0,31%.

- Xây dựng hạ tầng kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường: 1.067.100,60 triệu đồng, chiếm 77,7%.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp, TTCN, đào tạo kiến thức về nông thôn mới: 281.950,0 triệu đồng, chiếm 20,53%.

- Đào tạo dạy nghề cho lao động nông thôn: 18.001,0 triệu đồng, chiếm 1,3%.

- Tuyên truyền, chi phí quản lý chương trình: 2.000,0 triệu đồng, chiếm 0,14%.

2. Phân bổ nguồn vốn đầu tư:

Căn cứ Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định; Căn cứ các cơ chế đầu tư hiện hành, phân bổ nguồn vốn đầu tư như sau:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 1.373.334,64 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước: 1.281.182,20 triệu đồng, chiếm 93,28%; Trong đó:

+ Đề nghị Ngân sách Trung ương: 557.313,90 triệu đồng, chiếm 40,58%.

+ Ngân sách tỉnh: 723.868,30 triệu đồng, chiếm 52,70%.

- Vốn doanh nghiệp: 17.489,50 triệu đồng, chiếm 1,27%.

- Vốn huy động từ cộng đồng dân cư: 74.663,0 triệu đồng, chiếm 5,44%.

3. Phân kỳ nguồn vốn đầu tư:

- Giai đoạn 2011 - 2015, nhu cầu vốn 1.117.159,90 triệu đồng, chiếm 81,35% tổng vốn của Đề án, bình quân 223.432 triệu đồng/năm (Trong đó đề nghị ngân sách Trung ương: 101.966 triệu đồng/năm; ngân sách Tỉnh 107.807 triệu đồng/năm).

- Giai đoạn 2016 - 2020, nhu cầu vốn 256.175 triệu đồng, chiếm 18,65% tổng vốn, bình quân 51.235 triệu đồng/năm (Trong đó đề nghị ngân sách trung ương 9.497 triệu đồng/năm; ngân sách Tỉnh 36.965 triệu đồng/năm).

Điều 4. Hội đồng nhân dân huyện giao:

- Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực, các Ban, các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Khoá XVIII có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Ba Chẽ khoá XVIII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 22/6/2011 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh (Báo cáo);
- TT. HU, HĐND, UBND huyện;
- UBMTTQ huyện và các Đoàn thể huyện;
- Các vị ĐB HĐND huyện;
- TT HĐND và UBND các xã, thị trấn;
- Các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện;
- Lưu VP.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Long